

M, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST- KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB).

Trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị T – Chuyên viên xử lý nợ 3 Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Hưng Yên.

Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Đăng H – Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Hưng Yên

Địa chỉ: Số 04 Nguyễn Thiện Thuật, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: - Ông Vũ Văn V, sinh năm: 1966

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Vũ Văn V, và Nguyễn Thị N đều thống nhất được:

2.1. Ông Vũ Văn V và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tính đến ngày 16/02/2022 theo Hợp đồng tín dụng chung số HUY.CN.1338.121018 ngày 12/10/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số HUY.CN.290.140320 ngày 19/3/2020 tổng cộng là 1.462.493.637 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 1.350.000.000 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 18.463.562 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 93.150.000 đồng;
- + Phạt chậm trả lãi: 880.075 đồng;

2.2. Kể từ ngày 17/02/2022, ông Vĩnh, bà N tiếp tục phải trả nợ **lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi** trên số nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng chung số

HUY.CN.1338.121018 ngày 12/10/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số HUY.CN.290.140320 ngày 19/3/2020 cho đến ngày ông V, bà N thanh toán xong nợ gốc cho ngân hàng.

2.3. Về phương án trả nợ: Chậm nhất đến ngày 10/5/2022 ông V, bà N phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số nợ gồm nợ gốc 1.350.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 18.463.562 đồng, nợ lãi quá hạn 93.150.000 đồng, phạt chậm trả lãi 880.075 đồng; nợ lãi quá hạn, phạm chậm trả lãi kể từ ngày 17/02/2022 trên số nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng chung số HUY.CN.1338.121018 ngày 12/10/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số HUY.CN.290.140320 ngày 19/3/2020 cho đến ngày ông V, bà N thanh toán xong nợ gốc cho ngân hàng.

2.4. Trường hợp ông V, bà N không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 169, tờ bản đồ 19, diện tích 135m² (địa chỉ thửa đất: xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Vũ Văn V và bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp số HUY.BĐCN.169.121018 ngày 12/10/2018 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

2.5. Trường hợp kê biên phát mại tài sản thế chấp không đủ thì ông V, bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

2.6. Án phí: Ông Vũ Văn V và bà Nguyễn Thị N phải chịu 27.937.400 (bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 27.168.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013060 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh